TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 17/9/2021
V/v: "Xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Lâm Tấn Phát

2/Ông Lê Minh Thư

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long không tham dự phiên tòa.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 86/2021/TLST – HNGĐ ngày 11/5/2021 về việc: "Xin ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST-HN ngày 6/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐST – HNGĐ ngày 23/7/2021; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2021/QĐXXST-HN ngày 16/8/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Ngọc Đ, sinh năm 1976 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 3, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 3, ấp L, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và bản khai ngày 11/5/2021 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Lê Ngọc Đ trình bày:

Vào năm 2004, anh Lê Ngọc Đ và chị Nguyễn Thị H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, cha mẹ hai đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lược, huyện Bình Tân, Vĩnh Long và được cấp chứng nhận kết hôn vào ngày 28/02/2006.

Vợ chồng sống chung cha mẹ chồng tại tổ 3, ấp L, xã T, huyện B, Vĩnh Long. Anh Đ và chị H sống hạnh phúc được 13 năm. Trong quá trình chung sống vợ chồng có sinh được 2 con chung tên Lê Thị Anh T, sinh ngày 25/01/2006 và Lê Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 18/01/2012. Hiện 2 cháu đang sống với anh Đ.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có tạo lập khoảng 40 chỉ vàng, chị H đang quản lý. Về nợ: vợ chồng không có thiếu nợ ai.

Về mâu thuẫn gia đình: Năm 2009 chị H bỏ nhà đi sau một thời gian thì trở về. Ngày 01/8/2020 không có xảy ra cự cải chị H bỏ nhà đi lần hai mang theo tài sản chung là 40 chỉ vàng 24k và 18k.

Vợ chồng đã ly thân từ ngày 01/8/2020 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Ngọc Đ xin ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Lê Thị Anh T, sinh ngày 25/01/2006 và Lê Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 18/01/2012, anh Đ yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

*Bị đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn anh Lê Ngọc Đ trình bày: Về thời gian kết hôn, nữ trang, con chung, tài sản chung và mâu thuẫn gia đình là đúng như đơn khởi kiện.

Về mâu thuẫn gia đình: Vào năm 2009 chị H bỏ nhà đi sau một thời gian thì quay trở về. Ngày 01/8/2020 mặc dù vợ chồng không có xảy ra cự cải nhưng chị H bỏ nhà đi lần hai mang theo tài sản chung là 40 chỉ vàng 24k và 18k. Theo anh Đ biết là chị H có quan hệ bất chính với người đàn ông khác bên ngoài mà người đó là người mà gia đình anh Đ đã cưu mang và giúp đỡ trong lúc khó khăn, cho ở nhờ, ở đậu. Anh Đ có liên hệ với chị H qua đường điện thoại và vận động chị H về cùng chăm sóc con nhưng chị H không về. Vợ chồng đã ly thân từ ngày 01/8/2020 cho đến nay. Hiện tại mỗi người đều có một cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Ngọc Đ xin ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Lê Thị Anh T, sinh ngày 25/01/2006 và Lê Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 18/01/2012, anh Đ yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bảng tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có sơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Xin ly hôn, nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long và có mặt tại địa phương do

đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến dự tất cả các phiên hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2004, anh Lê Ngọc Đ và chị Nguyễn Thị H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, cha mẹ hai đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lược, huyện Bình Tân, Vĩnh Long và được cấp chứng nhận kết hôn vào ngày 28/02/2006 đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống chị H có quan hệ bất chính và sống chung với người đàn ông khác bên ngoài nên vợ chồng đã ly thân từ ngày 01/8/2020 cho đến nay. Hiện tại mỗi người đều có một cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Đ yêu cầu xin ly hôn chị H. Xét yêu cầu của anh Đ là có cơ sở. Áp dụng vào Điều 9, 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của anh Lê Ngọc Đ. Anh Lê Ngoc Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

[4]Xét về con chung: Anh Lê Ngọc Đ và chị Nguyễn Thị H chung sống với nhau có sinh được 2 con chung tên Lê Thị Anh T, sinh ngày 25/01/2006 và Lê Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 18/01/2012. Hiện 2 cháu đang sống với anh Đ. Anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy anh Đ đang trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 2 con chung. Để ổn định môi trường sống, chăm sóc, nuôi dưỡng và học tập của các cháu không bị thay đổi nên để anh Đ tiếp tục nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và không trái pháp luật. Anh Đ không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc. Xét yêu cầu của anh Đ là có cơ sở. Áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đinh năm 2014 Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của anh Đ. Anh Lê Ngọc Đ được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Thị Anh T, sinh ngày 25/01/2006 và Lê Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 18/01/2012 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Đ không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị H được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng chị H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Đ có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị H.

[5]Về quan hệ tài sản: Anh Lê Ngọc Đ không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8]Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Anh Lê Ngọc Đ nộp 300.000 đồng, anh Đ được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011936 ngày 11/5/2021 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu của Lê Ngọc Đ.

1/Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Ngọc Điều được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2/Về con chung: Anh Lê Ngọc Đ được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Thị Anh T, sinh ngày 25/01/2006 và Lê Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 18/01/2012 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Đ không yêu cầu chị Hằng cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị H được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng chị H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Đ có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị H.

3/Về quan hệ tài sản và nợ chung: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

- Anh Lê Ngọc Đ nộp 300.000 đồng, anh Đ được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011936 ngày 11/5/2021 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/Án xử công khai có mặt nguyên đơn Lê Ngọc Đ biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi thường trú.

Nơi nhận:
-TANDT Vĩnh Long;
-VKSNDH Bình Tân;
-THADSH Bình Tân;
-UBND xã Tân Lược,
Bình Tân, Vĩnh Long;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

PHẠM THÀNH TỰU